CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Đầu tư và Xây dựng 40

Ngày 28/06/2024	22,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	6.8%	**15.8%**	**15.8%**

DT thuần
Q2/24
70.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 51.9| 277%
YoY: ▲ 56.0| 383%

LN thuần
Q2/24
2.54
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.07| 440%
YoY: ▲ 1.58| 164%

LN sau thuế
Q2/24
2.03
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.66| 449%
YoY: ▲ 1.27| 167%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
3.6%
YoY: +/-▲ 1.1%

ROE (TTM)
Q2/24
3.4%
YoY: +/-▲ 1.9%

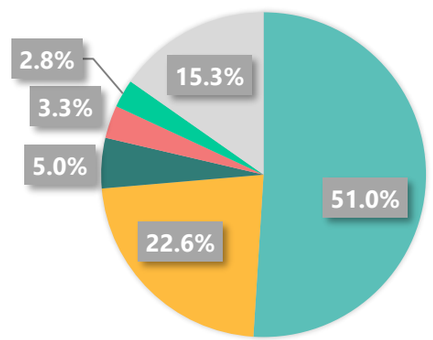
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	19,000 - 23,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	79
Số lượng CPLH (CP)	3,577,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	350
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	(0.01)
EPS	635
P/E	34.7

DT thuần
6T 2024
89.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 47.8| 116%

LN thuần
6T 2024
3.00
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.47| 471%

LN sau thuế
6T 2024
2.40
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.16| 93.4%

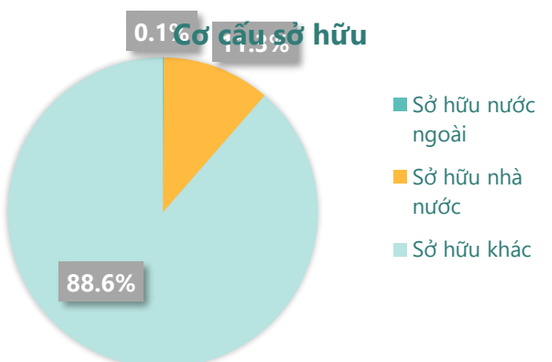
Cơ cấu cổ đông



- CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
- Bùi Trung Thu
- Nguyễn Văn Sơn (Tổng giám đốc)
- Lê Đình Hiển (Chủ tịch HĐQT)
- Bùi Duy Tiên
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

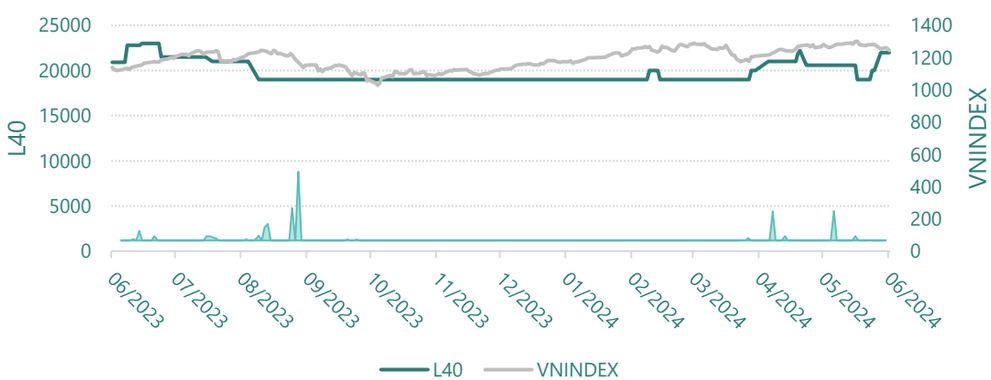
Cơ cấu sở hữu



- Sở hữu nước ngoài
- Sở hữu nhà nước
- Sở hữu khác

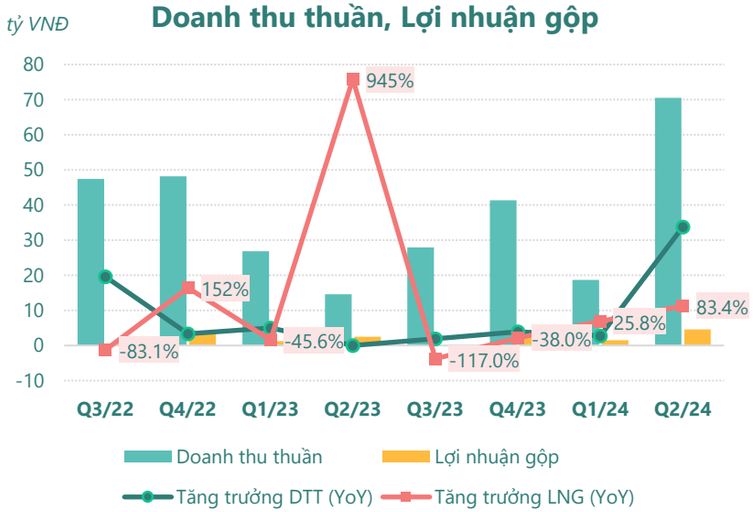
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



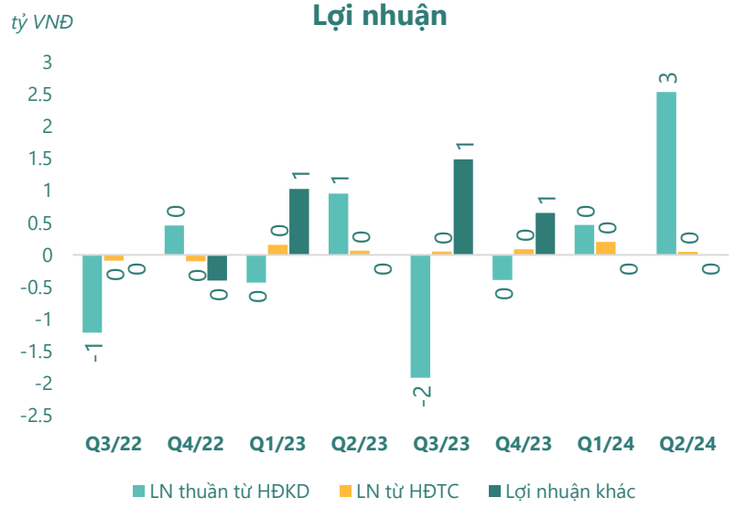
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



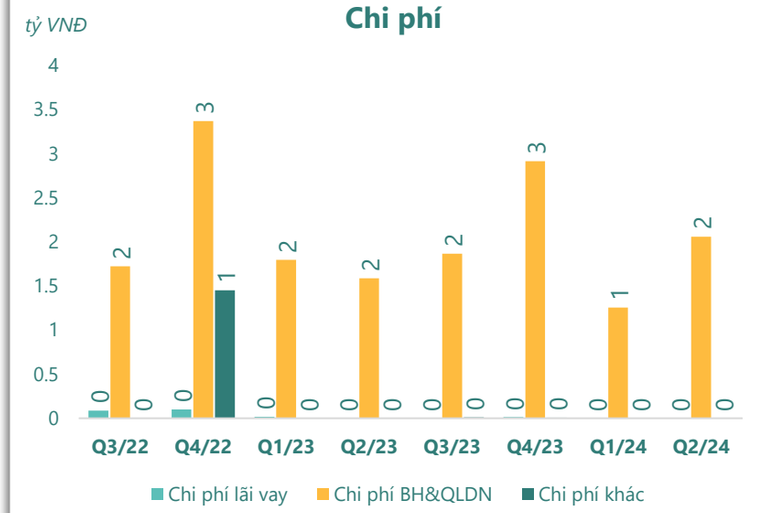
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



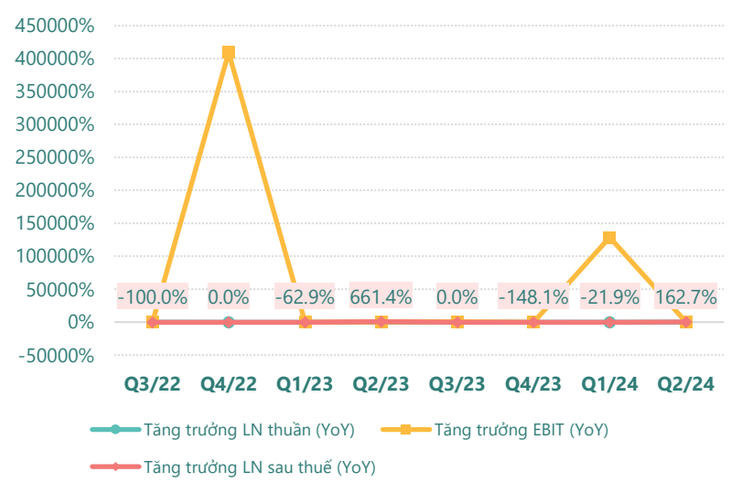
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



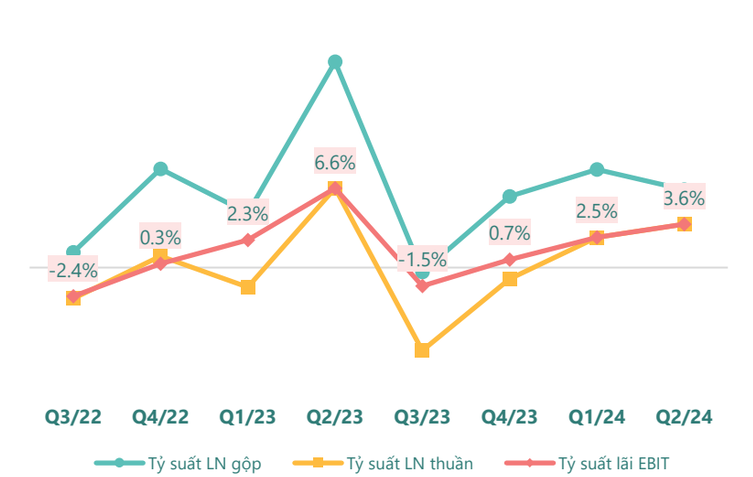
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



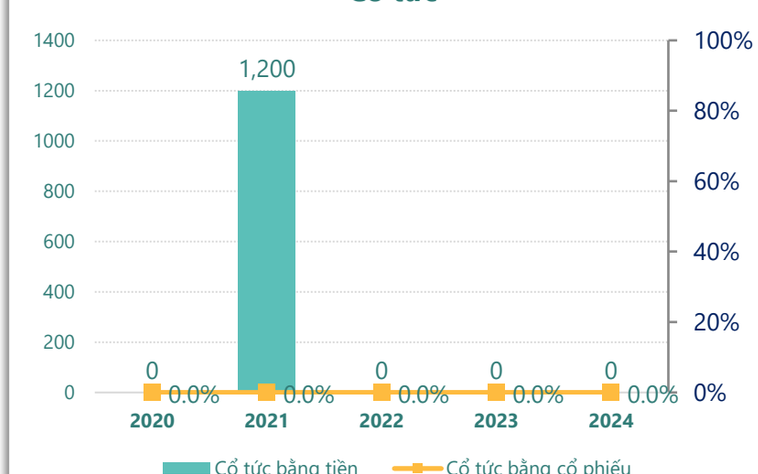
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

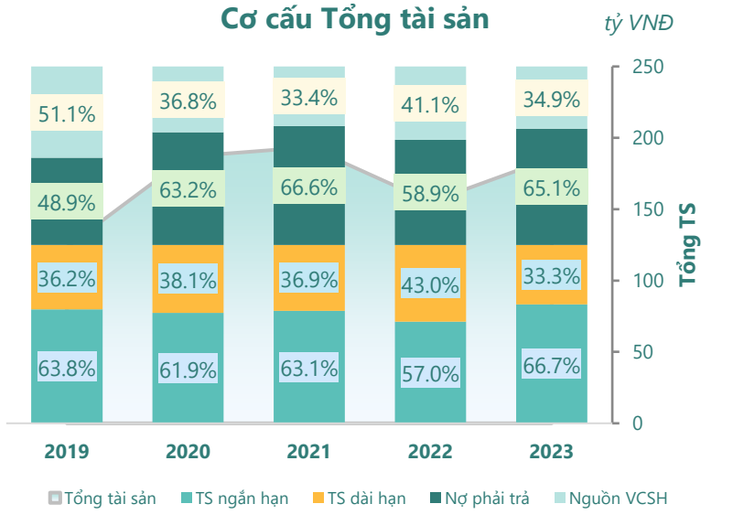
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

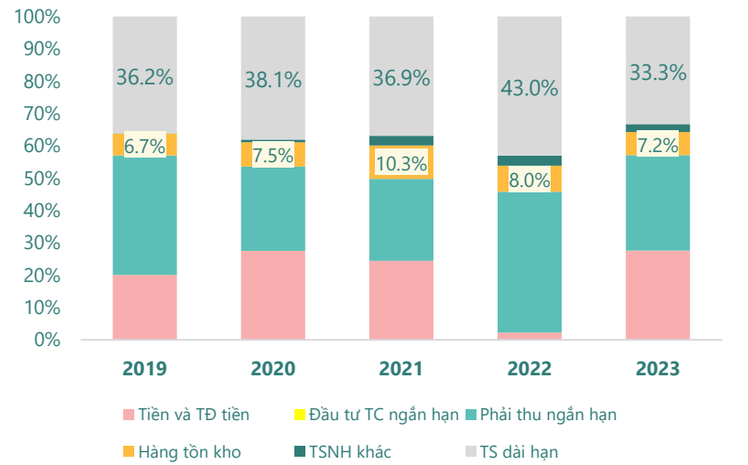
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



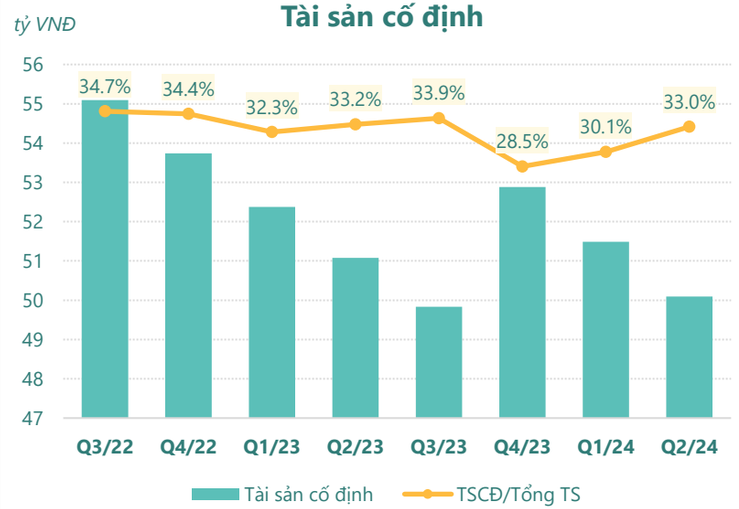
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



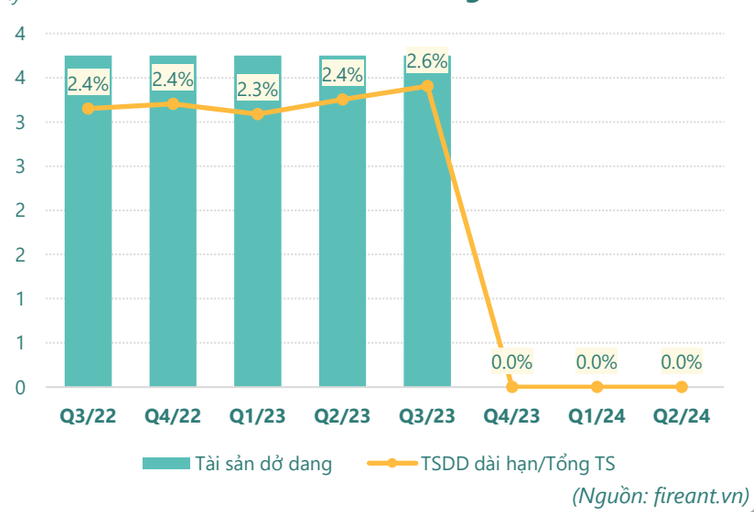
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



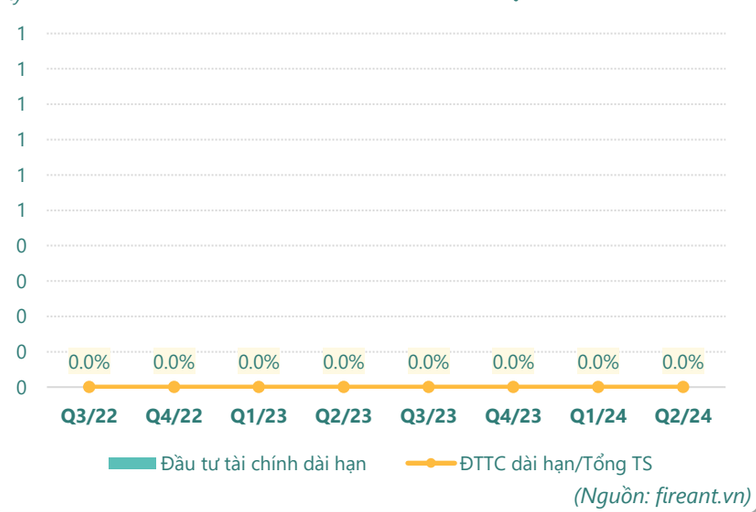
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



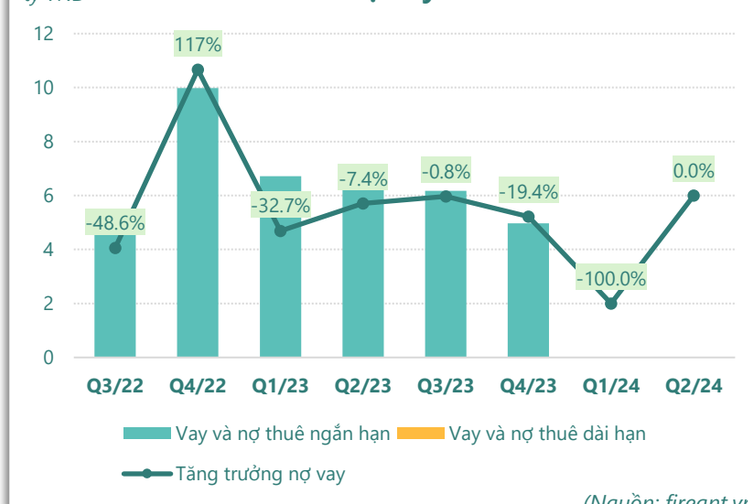
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

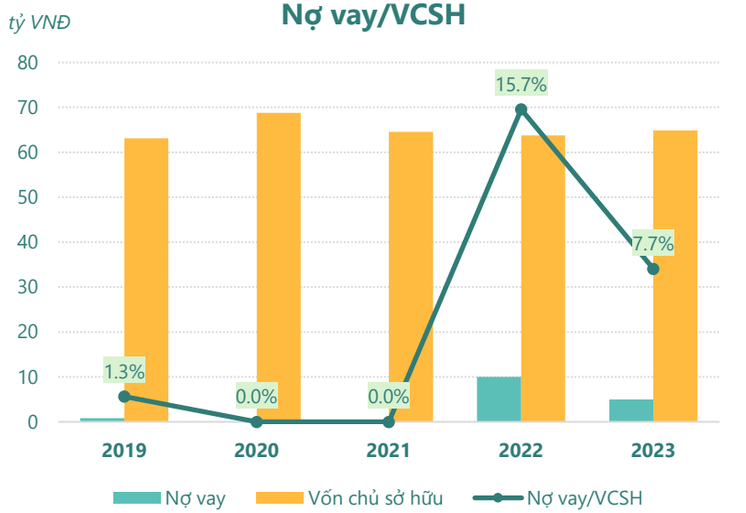
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

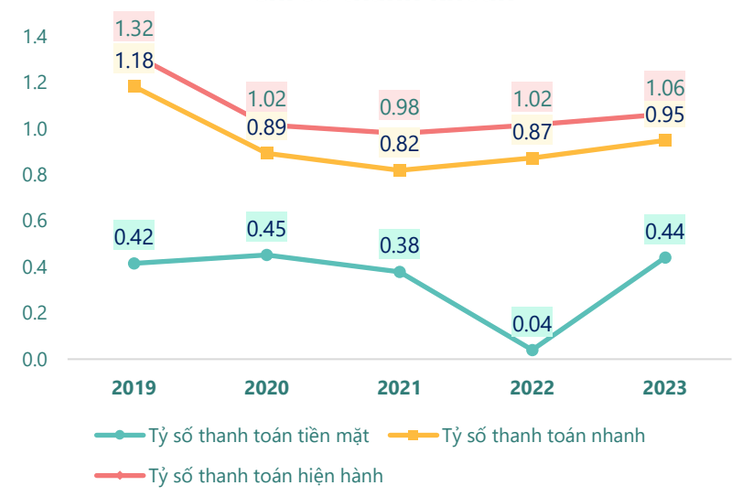
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



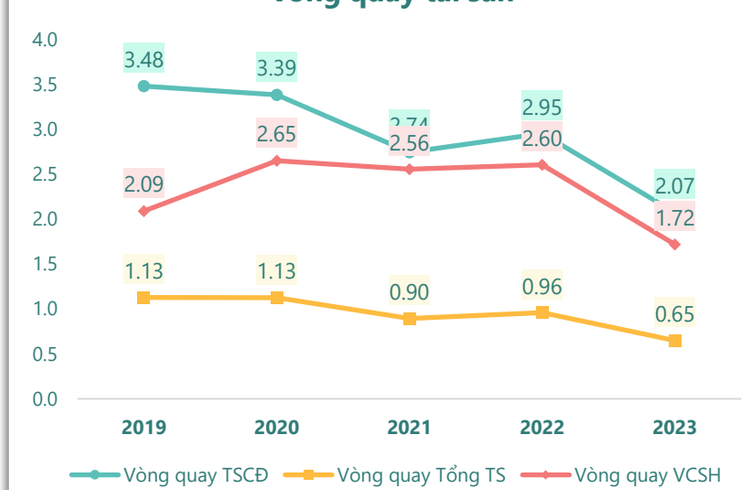
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



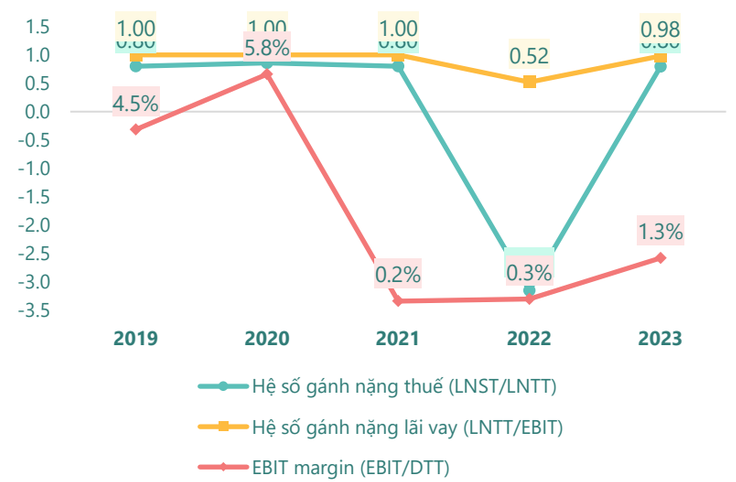
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



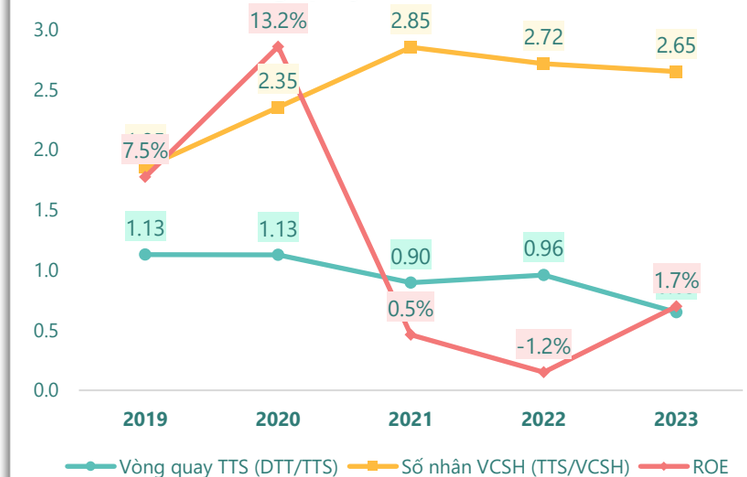
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



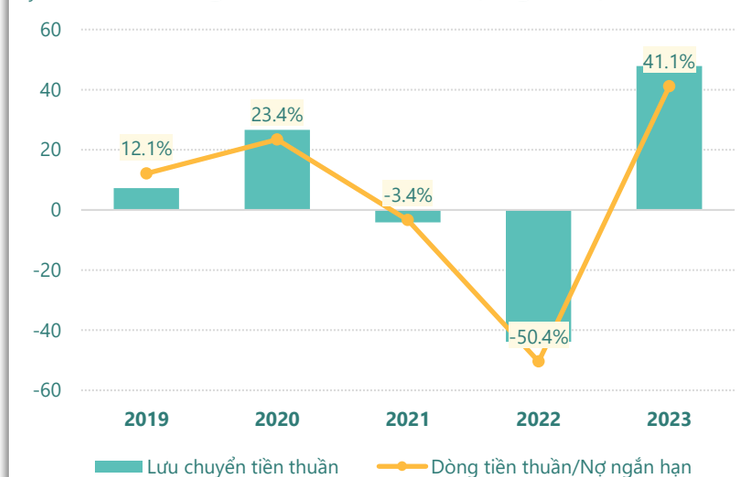
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**70.6**	**14.6**	**383%**	**89.2**	**41.4**	**116%**
Giá vốn hàng bán	66.0	12.1	445%	83.2	37.7	121%
Lợi nhuận gộp	4.55	2.48	83.5%	6.07	3.69	64.6%
Doanh thu HĐTC	0.05	0.07	-33.7%	0.25	0.24	4.8%
Chi phí TC	0	0.00		0	0.02	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0.02	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**2.06**	**1.59**	**29.5%**	**3.31**	**3.38**	**-2.1%**
LN thuần từ HĐKD	2.54	0.96	164%	3.00	0.53	471%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.00**		**0.00**	**1.03**	**-100%**
LN trước thuế	2.54	0.96	164%	3.00	1.55	93.2%
Lợi nhuận sau thuế	**2.03**	**0.76**	**167%**	**2.40**	**1.24**	**93.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.03**	**0.76**	**167%**	**2.40**	**1.24**	**93.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	15.2	-6.78	-0.97	45.8	-35.0	-3.27
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.17	0.07	0.02	-0.67	0.20	0.05
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.27	-0.50	-0.05	-1.20	-4.97	0
Tiền đầu kỳ	3.47	15.6	8.39	7.39	51.3	11.6
Lưu chuyển tiền thuần	**12.1**	**-7.22**	**-1.00**	**43.9**	**-39.7**	**-3.22**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	15.6	8.39	7.39	51.3	11.6	8.38

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**152**	**186**	**-18.2%**
Tài sản ngắn hạn	93.0	124	-25.0%
Tiền và tương đương tiền	8.38	51.3	-83.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	57.6	54.8	5.1%
Hàng tồn kho	22.1	13.4	65.1%
Tài sản ngắn hạn khác	4.93	4.39	12.3%
Tài sản dài hạn	**59.0**	**61.9**	**-4.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	50.1	52.9	-5.3%
Bất động sản đầu tư	1.70	1.73	-1.7%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**7.23**	**7.32**	**-1.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	84.7	121	-30.0%
Nợ ngắn hạn	**80.3**	**116**	**-31.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	4.97	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	20.2	23.6	-14.1%
Nợ dài hạn	4.40	4.40	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**67.3**	**64.9**	**3.7%**
Vốn chủ sở hữu	**67.3**	**64.9**	**3.7%**
Vốn điều lệ	36.0	36.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)